

UBND HUYỆN KIM ĐỘNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC HIỆP CƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hiệp Cường, ngày 28 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

NĂM HỌC 2024 – 2025

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Căn cứ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT về ban hành Chương trình GDPT 2018;

Căn cứ Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học;

Căn cứ Công văn số 3175/BGDĐT-GDTH ngày 21/7/2022 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về Hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 22/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên phê duyệt Khung Chương trình giáo dục địa phương tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Công văn 564/SGDĐT- GDTH ngày 09/4/2021 của Sở GD&ĐT về việc tập huấn sử dụng tài liệu “GD An toàn giao thông dành cho HSTH” và hướng dẫn tổ chức GD ATGT cấp tiểu học;

Căn cứ Công văn số 1837/SGDĐT-GDMN-GDTH ngày 05/8/2024 của Sở GDĐT về triển khai giáo dục STEM cấp Tiểu học năm học 2024-2025; Công văn số 1648 /UBND-KGVX ngày tháng 7 năm 2024 của Sở GDĐT về việc về thí điểm triển khai giảng dạy Tiếng Anh - Toán, Tiếng Anh - Khoa học cấp tiểu học năm học 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 1691/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc Ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Kế hoạch số 415/KH-PGD&ĐT ngày 30/10/2020 của Phòng GD&ĐT Kim Động về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học;

Căn cứ Công văn số 269/PGDĐT ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Kim Động về việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường từ năm học 2021-2022 (kèm theo phụ lục 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 Công văn số 2345/BGDĐT ngày 7/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường của cấp tiểu học);

Căn cứ Công văn số 161/PGD&ĐT-TH ngày 20/4/2022 của Phòng GD&ĐT Kim Động về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học;

Căn cứ Công văn 301/PGD&ĐT ngày 08/8/2022 của Phòng GD&ĐT Kim Động về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá môn ngữ văn ở trường phổ thông;

Căn cứ Công văn số 342/PGD&ĐT ngày 06/9/2022 của Phòng GD&ĐT Kim Động về việc hướng dẫn thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm;

Căn cứ Công văn số 161/PGD&ĐT, ngày 20/4/2022 của Phòng GD&ĐT Kim Động về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học; Công văn số 316/PGD&ĐT, ngày 15/8/2023 của Phòng GD&ĐT Kim Động về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn tiếng Anh cấp Tiểu học;

Căn cứ Kế hoạch số 137/KH-PGD&ĐT ngày 04/4/2023 của Phòng GD&ĐT Kim Động về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục tiểu học từ năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 14/PGD&ĐT ngày 03/01/2024 của Phòng GD&ĐT Kim Động về việc triển khai sử dụng tài liệu hướng dẫn tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh tiểu học trong các môn học;

Căn cứ Công văn số 388/PGD&ĐT-TH ngày 24/8/2024 của Phòng GD&ĐT Kim Động về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025;

Căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của các cấp: Bộ Giáo dục, Sở Giáo dục, Phòng Giáo dục;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường;

Trường Tiểu học Hiệp Cường xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025 với nội dung cụ thể như sau:

II. Phân tích bối cảnh nhà trường năm học 2024-2025

1. Môi trường bên trong

1.1. Học sinh của trường

Năm học 2024-2025, Trường Tiểu học Hiệp Cường có 18 lớp với tổng số học sinh là 627 em, nữ: 305 em. Cụ thể:

STT	Khối	Số lớp	Tổng số HS	Nữ	Bình quân HS/lớp	HSKT	Ghi chú
1	1	3	104	54	34,7		
2	2	4	129	69	32,3	1	
3	3	3	119	50	39,7	3	
4	4	4	139	68	34,8		
5	5	4	136	64	34	1	
Tổng	5	18	627	305	34,8	4	

- Đa số các em học sinh ngoan ngoãn, thật thà, đoàn kết với bạn, chăm học, thực hiện nghiêm túc mọi nội quy của lớp, của đội, của trường.

- Tỷ lệ học sinh đúng độ tuổi đạt trên 98%. Tỷ lệ lên lớp cao, hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

- Nhận thức của HS không đồng đều; Một số học sinh chưa được phụ huynh quan tâm nhiều.

1.2. Đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

- Trường có tổng số 29 cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đó có 2 cán bộ quản lý, 25 giáo viên, 2 nhân viên, 24 nữ và 5 nam. 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ đáp ứng yêu cầu, trong đó có: Thạc sĩ : 1, đại học 26, cao đẳng, trung

cấp 1 (thư viện). Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có trình độ chuyên môn vững vàng, năng động, nhiệt tình và đoàn kết.

- 100% giáo viên xây dựng kế hoạch bài dạy và dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh.
- Tỷ lệ giáo viên/lớp chưa đảm bảo 1,5 giáo viên/ lớp ($25/18 = 1,38$), chưa đáp ứng được yêu cầu dạy học hai buổi/ngày.

Cụ thể:

Nội dung	Tổng số	Nữ	Biên chế	Hợp đồng	Đảng viên	Trình độ			
						Ths	ĐH	CĐ	TC
Tổng số CB, GV, NV	29	25	29		25	1	26	1	1
BGH	2	1	2		2	1	1		
Giáo viên Văn hóa	20	18	20		19		20		
GV Mĩ thuật	2	1	2		1		2		
GV Âm nhạc	1	1	1		1			1	
GV Tiếng Anh	2	2	2		1		2		
GV Thể dục		0							
GV Tin học	0	0	0		0				
Thiết bị-Thư viện	1	1	1		1				1
Kế toán-Văn thư	1	1	1		0		1		

1.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Trường Tiểu học Hiệp Cường có tổng diện tích 7465m² với 18 phòng học kiên cố, 4 phòng học bộ môn; 15 phòng chức năng các loại. Các phòng học, phòng chức năng được đặt ở vị trí phù hợp, có khá đầy đủ trang thiết bị phục vụ tốt cho

hoạt động quản lí và các hoạt động giáo dục của nhà trường. Trường có công trường, tường bao, hệ thống sân chơi, nhà để xe, nhà vệ sinh đảm bảo yêu cầu theo quy định.

- Nhà trường trang bị đầy đủ bàn ghế và thiết bị dạy học tối thiểu cho giáo viên và học sinh.
- Hệ thống bóng điện thấp sáng, quạt mát ở các phòng đảm bảo.
- Thư viện rộng, trang trí đẹp, đủ ánh sáng, quạt mát, điều hòa; có đủ các loại sách phục vụ cho công tác giảng dạy.

Cụ thể:

Hiện trạng	Số lượng	Diện tích (m²)	Ghi chú
1. Khuôn viên	01	7465	10 m ² /hs
2. Khối phòng học	18	900	Kiên cố
3. Phòng học bộ môn	4	200	Kiên cố
4. Khối phòng phục vụ học tập			
- Thư viện	1	70	Kiên cố
- Phòng thiết bị giáo dục	1	20	Kiên cố
- Phòng truyền thống và HĐ Đội	1	12	Kiên cố
- Phòng tư vấn tâm lí	1	12	
5. Khối phòng hành chính			
- Phòng Hiệu trưởng	1	12	Kiên cố
- Phòng Phó Hiệu trưởng	1	12	Kiên cố
- Phòng hội đồng	1	50	Kiên cố
- Phòng chờ giáo viên	1	12	Kiên cố
- Phòng Kế toán	1	12	Kiên cố
- Phòng Y tế	1	12	Kiên cố
- Phòng bảo vệ	1	18	Bán kiên cố
- Nhà vệ sinh dành cho giáo viên	2	40	Kiên cố

- Nhà vệ sinh dành cho học sinh	2	80	Kiên cố
- Sân chơi	1	2500	Tốt
- Sân tập thể dục	1	1000	Đảm bảo
- Nhà để xe cho GV	1	100	Tốt
- Nhà để xe cho HS	1	200	Tốt

2. Môi trường bên ngoài

Xã Hiệp Cường nằm ở phía Đông Nam huyện Kim Động, có 4 thôn: Tiên Cầu, Trà Lâm, Đống Lương, Lương Xá. Địa bàn xã tương đối rộng, dân cư đông. Tình hình kinh tế, chính trị, an ninh trật tự ổn định, đời sống văn hóa xã hội của địa phương được nâng cao. Xã đạt phổ cập xóa mù chữ cấp độ 2. Xã đã được công nhận đạt Chuẩn nông thôn mới năm 2016, đạt xã nông thôn mới nâng cao, đạt nông thôn mới kiểu mẫu về giáo dục năm 2023.

Hiệp Cường là địa phương có truyền thống hiếu học từ lâu đời. Ngành giáo dục xã luôn luôn nhận được sự quan tâm, đầu tư của Đảng và chính quyền địa phương. Xã đã tập trung xây dựng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia từ năm 2005. Đến năm 2017, cả ba trường Mầm non, Tiểu học và THCS đều đạt chuẩn quốc gia. Trong những năm gần đây, UBND huyện Kim Động, UBND xã tiếp tục đầu tư xây dựng mới nhiều hạng mục công trình cho Trường Tiểu học Hiệp Cường đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo tiêu chuẩn mới về trường đạt chuẩn Quốc gia. Trường giữ vững kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và chuẩn quốc gia mức độ 2. Năm học 2020-2021, nhà trường được Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên tặng Cờ thi đua. Năm học 2021-2022, đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc cấp tỉnh. Năm học 2023-2024, nhà trường được Ủy ban nhân dân huyện công nhận đạt danh hiệu lao động tiên tiến.

Một số phụ huynh đi làm ăn xa không trực tiếp ở nhà để quản lý con cái và chăm lo việc học hành dẫn đến một số học sinh thể lực chưa tốt, kết quả học tập chưa đạt yêu cầu.

3. Phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức.

2.1. Điểm mạnh

- Nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp lãnh đạo, chính quyền địa phương.
- Trường có Chi bộ Đảng với đa số giáo viên, nhân viên là đảng viên (25/29) nên thuận tiện cho việc lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền thực hiện nhiệm vụ trong tất cả các hoạt động của nhà trường.
- Cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn tốt, đã qua các lớp chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị, có kinh nghiệm nhiều năm trong công tác quản lý.
- Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, năng động trong công tác, 96% giáo viên đạt trình độ đào tạo theo yêu cầu của Luật Giáo dục 2019, có 1 giáo viên đang học nâng cao trình độ lên Đại học. Nhiều giáo viên có kinh nghiệm và vận dụng phương pháp linh hoạt sáng tạo trong việc giảng dạy và giáo dục học sinh.
- Chất lượng và hiệu quả giáo dục đào tạo tương đối cao, mang tính ổn định.
- Các lĩnh vực khác về tổ chức quản lý tài chính, kiểm tra, thi đua, Công đoàn, Chi đoàn, Đội thiếu niên trong nhà trường hoạt động nhịp nhàng, hiệu quả.
- Phối hợp tốt với phụ huynh trong tất cả các hoạt động của nhà trường.
- Hệ thống phòng học và một số công trình phụ trợ đảm bảo, khuôn viên xanh, sạch, đẹp.

2.2. Điểm yếu

- CSVC chưa đảm bảo, còn thiếu các phòng bộ môn, phòng chức năng. Nhiều trang thiết bị, đồ dùng dạy học hư hỏng, không đáp ứng dạy và học.
- Một số giáo viên chưa thích ứng với việc sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.
- Một số ít phụ huynh chưa thật sự quan tâm đến các hoạt động của trường.
- Công tác xã hội hóa giáo dục còn hạn chế, chưa huy động được nhiều sự đầu tư, đóng góp của các cá nhân, lực lượng xã hội về nhân lực và vật lực để tu sửa trường lớp, khen thưởng động viên học sinh và giáo viên.

2.3. Thời cơ

- Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, Chính quyền địa phương, sự đồng thuận của tập thể cán bộ giáo viên nhân viên, sự tin nhiệm của học sinh và phụ huynh học sinh.

- Đội ngũ cán bộ giáo viên được đào tạo cơ bản có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm tốt.

2.4. Thách thức

- Vấn đề nâng cao chất lượng giáo viên, nhân viên phải đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục liên tục được nâng cao. Đòi hỏi việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy, trình độ ngoại ngữ, khả năng sáng tạo của cán bộ giáo viên, nhân viên.

- Xã hội ngày càng đòi hỏi cao về chất lượng giáo dục trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Giáo dục học sinh không chỉ phụ thuộc nhà trường mà là trách nhiệm giữa gia đình, nhà trường và toàn xã hội.

2.5. Xác định vấn đề ưu tiên

- Xây dựng cơ sở vật chất: xây thêm phòng học bộ môn, các phòng chức năng, cải tạo sân chơi, sân tập. nhà đa năng quy hoạch hệ thống cây xanh.

- Tham mưu tuyển dụng đủ số lượng, đủ cơ cấu giáo viên, đảm bảo chất lượng. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, tăng cường bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ cán bộ giáo viên có đủ khả năng thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học; đánh giá học sinh theo sự phát triển năng lực và phẩm chất người học.

- Chất lượng giáo dục học sinh chuyển biến toàn diện, đặc biệt là rèn kỹ năng để phát triển năng lực con người Việt Nam trong thời kỳ hội nhập.

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2024-2025

1. Mục tiêu chung

1. Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; tăng cường bảo đảm an toàn trường học; thực hiện hiệu quả phân cấp

quản lý gắn với trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện kế hoạch năm học theo quy định và phù hợp với thực tiễn tại nhà trường, tại địa phương.

2. Chú trọng tham mưu thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp và đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

3. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; tham mưu thực hiện xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để có đủ giáo viên, bảo đảm chất lượng dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; triển khai hiệu quả công tác đánh giá và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý theo chuẩn nghề nghiệp và chuẩn hiệu trưởng.

4. Đẩy mạnh thực hiện công tác chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong các cơ sở giáo dục tiểu học.

5. Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học. Trường duy trì và nâng cao tiêu chuẩn của trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và chuẩn Quốc gia Mức độ 2.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Môn học và Hoạt động giáo dục cuối năm:

* Môn học

Khối	Môn	Tổng số HS	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa HT	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	Tiếng Việt	104	62	59,6%	40	38,4%	2	2%
	Toán		64	61,5%	38	36,5%	2	2%
	Đạo đức		67	64,4%	37	35,6%		
	TNXH		65	62,5%	39	37,5%		
	GDTC		60	57,6%	44	42,4%		
	Âm nhạc		62	59,6%	42	40,4%		
	Mỹ thuật		63	60,5%	41	39,5%		
2	Tiếng Việt	129	79	61,2	50	38,8		
	Toán		88	68,2	41	31,8		
	Đạo đức		87	67,4	42	32,6		
	TNXH		88	68,2	41	31,8		
	GDTC		86	66,6	43	33,4		
	Âm nhạc		78	60,4	51	39,6		
	Mỹ thuật		78	60,4	51	39,6		
3	Tiếng Việt	119	71	59,7	48	30,3		
	Toán		76	63,9	43	36,1		
	Tiếng Anh							
	Tin học		76	63,9	43	36,1		
	Công nghệ		76	63,9	43	36,1		
	Đạo đức		79	66,4	40	33,6		
	TNXH		81	68,1	38	31,9		
	GDTC		82	68,9	37	31,1		
	Âm nhạc		71	59,7	48	40,3		
	Mỹ thuật		71	59,7	48	40,3		
4	Tiếng Việt	139	64	46	75	54		
	Toán		77	53,4	62	46,6		
	Tiếng Anh		58	41,7	81	58,3		
	Khoa		81	58,3	58	41,7		

	Sử- Địa		81	58,3	58	41,7		
	Tin học		84	60,4	55	39,6		
	Công nghệ		93	66,9	46	33,1		
	Đạo đức		88	63,3	51	36,7		
	GDTC		73	52,5	66	47,5		
	Am nhạc		75	54	64	46		
	Mỹ thuật		76	54,7	63	45,3		
5	Tiếng Việt	136	58	43%	78	57%		
	Toán		69	51%	67	49%		
	Tiếng Anh		52	38%	84	62%		
	Khoa		71	52%	65	48%		
	Sử- Địa		62	46%	74	54%		
	Tin học		71	52%	65	48%		
	Công nghệ		62	46%	74	54%		
	Đạo đức		69	51%	67	49%		
	GDTC		60	44%	76	56%		
	Am nhạc		71	52%	65	48%		
	Mỹ thuật		75	55%	61	45%		

* Hoạt động giáo dục

Khối	HDGD bắt buộc	Tổng số HS	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa HT	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	HĐ Trải nghiệm	104	64	61,5	38	36,5%	2	2%
2		129	89	69	40	31		
3		119	81	68,1	38	31,9		
4		139	85	61,2	54	38,8		
5		136	63	46%	73	54%		

2.2. Xếp loại phẩm chất, năng lực.

* Xếp loại phẩm chất:

Khối	Số	Nội dung	Mức độ					
			Tốt		Đạt		CCG	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	104	Yêu nước	104	100%				
		Nhân ái	104	100%				
		Chăm chỉ	67	64,4%	37	35,6%		
		Trung thực	76	73%	28	27%		
		Trách nhiệm	70	67,3%	34	32,7%		
2	129	Yêu nước	114	88,3	15	11,7		
		Nhân ái	108	83,7	21	16,3		
		Chăm chỉ	81	62,7	48	37,3		
		Trung thực	91	70,5	38	29,5		
		Trách nhiệm	78	60,4	51	39,6		
3	119	Yêu nước	117	98	2	2		
		Nhân ái	114	95,8	3	4,2		
		Chăm chỉ	76	63,9	43	36,1		
		Trung thực	113	94,9	6	5,9		
		Trách nhiệm	79	66,4	40	33,6		
4	139	Yêu nước	136	97,8	3	2,2		
		Nhân ái	136	97,8	3	2,2		
		Chăm chỉ	83	59,7	56	40,3		
		Trung thực	117	84,2	22	15,8		
		Trách nhiệm	83	59,7	56	40,3		
5	136	Yêu nước	120	88%	16	12%		
		Nhân ái	98	72%	38	28%		
		Chăm chỉ	78	57%	58	43%		
		Trung thực	100	73,5%	36	26,5%		
		Trách nhiệm	81	59,5%	55	40,5%		

* Xếp loại năng lực:

Khối lớp	Số	Nội dung	Mức độ					
			Tốt		Đạt		CCG	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	104	Năng lực tự chủ và tự học	64	61,5	38	36,5	2	2
		Năng lực giao tiếp và hợp tác	62	59,6	40	38,4	2	2
		Năng lực GQ vấn đề và sáng tạo	63	60,6	39	37,4	2	2
		Năng lực ngôn ngữ	62	59,6	40	38,4	2	2
		Năng lực toán học	64	61,5	38	36,5	2	2
		Khoa học	66	63,5	38	36,5		
		Năng lực thẩm mỹ	63	60,6	41	39,4		
		Năng lực thể chất	60	57,7	44	42,3		
2	129	Năng lực tự chủ và tự học	81	62,7	48	37,3		
		Năng lực giao tiếp và hợp tác	81	62,7	48	37,3		
		Năng lực GQ vấn đề và sáng tạo	81	62,7	48	37,3		
		Năng lực ngôn ngữ	77	59,6	52	40,4		
		Năng lực toán học	88	68,2	41	31,8		
		Khoa học	88	68,2	41	31,8		
		Năng lực thẩm mỹ	78	60,4	51	39,6		
		Năng lực thể chất	86	66,6	43	33,4		
3	119	Năng lực tự chủ và tự học	75	63	44	37		
		Năng lực giao tiếp và hợp tác	75	63	44	37		
		Năng lực GQ vấn đề và sáng tạo	72	60,5	47	39,5		

		Năng lực ngôn ngữ	71	59,7	48	40,3		
		Năng lực toán học	76	63,9	43	36,1		
		Năng lực Khoa học	81	68,1	38	31,9		
		Năng lực Công nghệ	76	63,9	43	36,1		
		Năng lực Tin học	76	63,9	43	36,1		
		Năng lực thẩm mỹ	71	59,7	48	40,3		
		Năng lực thể chất	82	68,9	37	31,1		
4	139	Năng lực tự chủ và tự học	70	50,4	69	49,6		
		Năng lực giao tiếp và hợp tác	69	49,6	70	50,4		
		Năng lực GQ vấn đề và sáng tạo	67	48,2	72	51,8		
		Năng lực ngôn ngữ	65	46,8	74	53,2		
		Năng lực toán học	77	55,4	62	44,6		
		Năng lực Khoa học	81	58,3	58	41,7		
		Năng lực Công nghệ	93	66,9	46	33,1		
		Năng lực Tin học	79	56,8	60	43,2		
		Năng lực thẩm mỹ	76	54,7	63	45,3		
		Năng lực thể chất	73	52,5	66	47,5		
5	136	Năng lực tự chủ và tự học	62	46%	74	54%		
		Năng lực giao tiếp và hợp tác	65	48%	71	52%		
		Năng lực GQ vấn đề và sáng tạo	60	44%	76	56%		
		Năng lực ngôn ngữ	60	44%	76	56%		
		Năng lực toán học	69	51%	67	49%		
		Năng lực Khoa học	69	51%	67	49%		
		Năng lực Công nghệ	62	46%	74	54%		
		Năng lực Tin học	67	49%	69	51%		
		Năng lực thẩm mỹ	72	53%	64	47%		
		Năng lực thể chất	60	44%	76	56%		

2.3. Hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học:

	Toàn trường		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
HTCT LH	625	99,7	102	98,1	119	100	129	100	139	100		
HTCTTH	136	100									136	100%
CHTCT LH	2	0,3	2	1,9								

2.4. Khen thưởng:

	Toàn trường		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
HS HT Xuất sắc	218	34,8	52	50	50	38,7	36	30,2	45	32,4	35	26%
HS Tiêu biểu	81	12,9	9	8,7	15	11,6	13	10,9	26	18,7	18	13%
HS có thành tích đột xuất	3	47,8	3	2,9								

2.5. Chỉ tiêu các hoạt động giáo dục

- Học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm: 100%
- Học sinh tham gia hoạt động củng cố, mở rộng theo hướng phân hóa: 60%
- HS được rèn kỹ năng mềm: 100 %
- HS được giáo dục tích hợp: 100 %

2.6. Chỉ tiêu Vệ sinh chữ đẹp và lớp tiên tiến

- 75% số HS đạt tiêu chuẩn VSCĐ.
- Lớp tiên tiến: 15 lớp.

2.7. Phổ cập giáo dục:

- Huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%
- Duy trì sĩ số 100%, không có học sinh bỏ học.

- Tỷ lệ trẻ lên lớp đúng độ tuổi đạt 98,5 % trở lên. Phân đầu PCGD - Xóa mù chữ mức độ 3.

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục (Phụ lục 1.1)

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học (Phụ lục 1.2)

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học (Phụ lục 1.3)

3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2024-2025 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục, (Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng đảm bảo tổ chức dạy học 8 buổi/tuần (lớp 1, 2, 3), 9 buổi/tuần (lớp 4,5); lớp 1: 28 tiết, lớp 2: 28 tiết, lớp 3: 28 tiết, lớp 4: 31 tiết, lớp 5: 31 tiết; mỗi tiết 35 phút)

* Thực hiện Quyết định số 1691/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên. Cụ thể đối với giáo dục tiểu học:

- Ngày tựu trường: Lớp 1 tựu trường ngày 22/8/2024, các lớp khác ngày 29/8/2024

- Ngày khai giảng: ngày 05/9/2024.

- Học kỳ I: 18 tuần. Kết thúc học kì 1 trước ngày 18/01/2025

- Học kỳ II: 17 tuần. Hoàn thành chương trình và kết thúc năm học trước ngày 31/5/2025.

- Xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học trước ngày 30/6/2025

- Tuyển sinh lớp 1 năm học 2025-2026 hoàn thành trước ngày 31/7/2025

- Thời gian thực hiện chương trình năm học 2024-2025 đối với khối lớp 1, 2, 3, 4, 5 ở trường Tiểu học Hiệp Cường như sau:

- + Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (Phụ lục 1.4)

- + Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1, 2, 3, 4, 5 (Phụ lục 2)

V. Giải pháp thực hiện

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học (trong thẩm quyền và nhiệm vụ của Hiệu trưởng)

- Nhà trường tham mưu với các cấp lãnh đạo, huy động các nguồn kinh phí để tiếp tục xây mới phòng học bộ môn, tu sửa cơ sở vật chất hiện có đã xuống cấp, mua sắm các thiết bị dạy và học của nhà trường tạo cho học sinh có môi trường học tập an toàn, hiện đại, đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Hàng năm, nhà trường kiểm kê rà soát phân loại toàn bộ thiết bị dạy học, lập kế hoạch tu sửa, bổ sung một số thiết bị dạy học mới phục vụ công tác dạy và học.

- Quản lý có hiệu quả công tác sử dụng phương tiện, đồ dùng dạy và học; tránh thất thoát, lãng phí tài sản của nhà trường.

- Tổ chức giáo viên tự làm và sử dụng hiệu quả đồ dùng trong dạy học.

2. Thực hiện công tác phát triển đội ngũ

2.1. Tham mưu cho cơ quan quản lý về bổ sung đội ngũ đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học

Trên cơ sở nắm chắc số lượng, cơ cấu hiện có của đội ngũ, nhu cầu cần có để đáp ứng yêu cầu giáo dục của nhà trường, Hiệu trưởng kịp thời lập các báo cáo tham mưu với các cấp có thẩm quyền bổ sung kịp thời đội ngũ đáp ứng yêu cầu Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cấp Tiểu học, lần lượt theo số lượng và cơ cấu giáo viên cần bổ sung. Cụ thể: Năm học 2024-2025, tham mưu bổ sung 1 giáo viên Giáo dục thể chất, 1 giáo viên văn hóa.

2.2. Phân công chuyên môn cho giáo viên đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học

- Căn cứ vào năng lực chuyên môn và điều kiện riêng của từng cá nhân, phân công chuyên môn sao cho hợp lý nhất để mỗi cá nhân vừa hoàn thành nhiệm vụ được giao, vừa phát huy hết năng lực bản thân.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể, chi tiết. Làm rõ yêu cầu của mỗi vị trí việc làm. Các nội dung học tập để đáp ứng chương trình GDPT mới được đưa vào nhiệm vụ của giáo viên.

2.3. Bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên, nhân viên, CBQL đáp ứng CT GDPT 2018

- Qua sinh hoạt chuyên đề

+ Trên cơ sở những tồn tại về năng lực cá nhân, cùng với những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, Hiệu trưởng chỉ đạo các cá nhân lập kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng và đề xuất nội dung chuyên môn mong muốn được tham gia hoặc làm rõ.

+ Căn cứ vào nhu cầu bồi dưỡng của cá nhân, chỉ đạo Tổ chuyên môn xây dựng các chuyên đề, tập trung vào các chuyên đề sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

+ Căn cứ vào nhu cầu bồi dưỡng của cá nhân, của Tổ chuyên môn, trên cơ sở tổng hợp các năng lực còn tồn tại của CBQL, giáo viên, nhân viên, nhà trường tổng hợp số lượng, nội dung các chuyên đề của Tổ chuyên môn, đồng thời chủ động tổ chức mỗi năm 2 chuyên đề cấp trường dưới dạng Hội thảo hoặc mời cốt cán, chuyên gia để cùng giáo viên, nhân viên, CBQL bồi dưỡng các năng lực còn hạn chế.

+ Tổ chức kiểm tra sau chuyên đề, hội thảo nhằm đánh giá và tiếp tục rút kinh nghiệm, tổng hợp phương pháp đã làm nhằm nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng năng lực giáo viên, CBQL qua việc thực hiện chuyên đề.

- Theo Chương trình bồi dưỡng thường xuyên.

+ Căn cứ vào nhu cầu bồi dưỡng, mỗi cá nhân lập kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng thường xuyên trên cơ sở bám sát Thông tư 17 đối với giáo viên, Thông tư 18 đối với cán bộ quản lý, cùng với các nội dung bồi dưỡng của Sở, Phòng, Nhà trường và Tổ chuyên môn sao cho mỗi cá nhân tự học, tự bồi dưỡng thường xuyên đạt 120 tiết/năm.

+ Chỉ đạo Nhà trường, tổ chuyên môn xây dựng và chỉ đạo hiệu quả các tiết học tập trung về lý thuyết để qua tự nghiên cứu, mỗi giáo viên, cán bộ quản lý được thảo luận, trao đổi để làm rõ các nội dung học tập. Riêng phần thực hành các Modul, giao cho tổ chuyên môn phân thành các nhóm 3-4 người hoặc các cặp đôi để hỗ trợ và chia sẻ với nhau hoạt động thực hành.

+ Giao cho Tổ trưởng chuyên môn ra câu hỏi bám sát nội dung các Modul mà cá nhân đã đăng ký học tập trong năm học để giáo viên, cán bộ quản lý viết bài thu hoạch nội dung học tập bồi dưỡng của mình.

2.4. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ:

- Về chuyên môn: Hàng năm cử giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý tham gia các lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ do các cấp tổ chức theo hướng ưu tiên các đối tượng được quy hoạch.

- Về ngoại ngữ, tin học: Phát huy nội lực đội ngũ giáo viên Tiếng Anh, Tin học trong nhà trường để bồi dưỡng cho đồng nghiệp vào thời gian hợp lý. Ngoài ra, kết hợp với trung tâm dạy Tiếng Anh có uy tín để giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý có thể tham gia theo hình thức vừa học, vừa làm.

- Về lý luận chính trị: Tuyển chọn, giới thiệu những giáo viên, nhân viên, CBQL tiêu biểu điển hình trong các phong trào để Chi bộ lập danh sách đưa đi học lớp cảm tình Đảng. (Phấn đấu ít nhất mỗi năm 01 người). Đối với Đảng viên, đề nghị Chi bộ xem xét chọn đi học lớp Trung cấp chính trị đối với những đảng viên tiêu biểu (phấn đấu 1 đảng viên/năm).

- Về quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục: Mỗi năm xét chọn 01 nhân tố tích cực đề nghị cấp trên đưa đi học lớp quản lý giáo dục nhằm xây dựng đội ngũ quản lý kế cận.

2.5. Xây dựng cộng đồng học tập trong nhà trường tạo môi trường phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng CT GDPT 2018

- Xây dựng quy chế làm việc, quy chế cơ quan, quy chế chuyên môn,... một cách khoa học, dân chủ và khách quan, phù hợp với mọi đối tượng giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý trong nhà trường.

- Xây dựng các nhóm học tập trong tổ nhằm giúp đỡ nhau, hỗ trợ nhau nhanh chóng nắm bắt và triển khai các nội dung bồi dưỡng của chương trình GDPT 2018. Kiểm tra đôn đốc các thành viên trong tổ cùng tham gia hoạt động chuyên môn chung.

- Lập các nhóm trao đổi môn học trong và ngoài tổ chuyên môn hoặc trong và ngoài nhà trường trên trang “Trường học kết nối” nhằm tạo điều kiện cho giáo viên, cán bộ quản lý nghiên cứu sâu rộng chương trình, sách giáo khoa mới.

- Tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền, phối hợp cùng các lực lượng xã hội, cùng cha mẹ học sinh xây dựng cộng đồng học tập thân thiện, hiệu quả trong nhà trường.

2.6. Tạo động lực làm việc cho đội ngũ

- Nhằm tạo động lực cho giáo viên, Hiệu trưởng cùng Ban lãnh đạo nhà trường nhà trường cần tập trung vào các giải pháp sau:

+ Giải pháp về kinh tế: Đảm bảo chi trả lương đúng, đủ, kịp thời để giáo viên, nhân viên yên tâm về thu nhập của mình; đảm bảo chế độ tiền thưởng hợp lý ngoài lương, nâng lương trước thời hạn, công bằng, công khai, xứng đáng với công sức cá nhân đã nỗ lực, cố gắng. Ngoài ra, căn cứ vào chất lượng và mức độ hoàn thành công việc của mỗi cá nhân, trên cơ sở tiết kiệm chi tiêu, nhà trường cần xây dựng được nguồn thu nhập tăng thêm để chi trả vào cuối năm, vừa để tăng thu nhập, vừa khích lệ tinh thần làm việc của cá nhân, tập thể.

+ Giải pháp hành chính: Xác định nhiệm vụ và tiêu chuẩn thực hiện (xác định trách nhiệm, nhiệm vụ của đảng viên, cá nhân); Xây dựng bản mô tả công việc, giao công việc có tính chất thách thức; Xác định rõ mục tiêu, tiêu chí phân đầu; Xây dựng tiêu chí đánh giá; trao quyền tự chủ và huy động sự tham gia của giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý trên cơ sở công bằng, khách quan. Ngoài ra, mở rộng phạm vi công việc (ví dụ: Công tác bán trú nhằm tăng thu nhập và kỹ năng nghề nghiệp cho giáo viên).

+ Giải pháp tâm lý: Nhà trường phối hợp Công đoàn nhà trường phát động thi đua, tập trung vào: Thi đua giảng dạy, làm việc khoa học sáng tạo; Thường xuyên động viên khen ngợi đồng thời cũng nhắc nhở xử lý những sai phạm; Quan tâm cải thiện điều kiện làm việc; xây dựng bầu không khí làm việc thân thiện, khuyến khích sự sáng tạo, tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý phát triển, thăng tiến nghề nghiệp qua huấn luyện, bồi dưỡng hoặc cử tham gia các khóa học bồi dưỡng, đào tạo hàng năm; Ghi nhận và tạo cơ hội thăng tiến; Tạo điều kiện tinh thần văn hóa tổ chức; Xây dựng bầu không khí làm việc tốt, phong cách lãnh đạo phù hợp; Tạo cơ hội cho giáo viên, nhân viên được chia sẻ nhiều hơn; cán bộ quản lý quan tâm nhiều hơn đến đời sống và tâm tư nguyện vọng của mỗi giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

+ Giải pháp quản lý, xử lý xung đột, giám sát, đánh giá đội ngũ, hiệu quả: Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý tiếp nhận và thực thi chương trình GDPT mới có tính công bằng, dân chủ và minh bạch; Cùng thiết lập mục tiêu hành động chung; Tập trung vào giải quyết vấn đề, không tập trung vào cá nhân; Tập trung đưa ra các giải pháp hay lựa

chọn sáng tạo vì lợi ích chung; đã thông tư tưởng cho giáo viên, nhân viên khi phân công công việc mang tính mới và khó; Xây dựng môi trường làm việc văn hóa và tổ chức, biết học hỏi lẫn nhau; luôn chú ý cải thiện điều kiện làm việc, tạo cơ hội thăng tiến cho mỗi cá nhân.

2.7. Kiểm tra đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo khách quan, công bằng, làm cơ sở thực hiện hiệu quả công tác thi đua khen thưởng

- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá thi đua cụ thể, rõ ràng, công bằng đối với từng nhóm viên chức có chất lượng công việc giống nhau là giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý. Triển khai và lấy ý kiến dân chủ của giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý trong hội nghị cán bộ viên chức người lao động một cách công khai minh bạch.

- Xây dựng lịch kiểm tra, đánh giá đội ngũ bám sát Kế hoạch nhà trường, không tạo áp lực qua đánh giá giáo viên mà tập trung vào các vấn đề cần tư vấn sau kiểm tra.

- Trên cơ sở kết quả về chất lượng các mặt công tác, bám sát các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức, hướng dẫn giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý đánh giá Chuẩn nghề nghiệp và bình xét thi đua một cách công bằng và khách quan nhất.

- Nhân rộng mô hình các cá nhân điển hình tiên tiến, có động việc, khen thưởng kịp thời.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

Thực hiện tốt quy chế chuyên môn, nề nếp sinh hoạt chuyên môn, đa dạng hóa nội dung, hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDPT 2018

+ Nhà trường xây dựng quy chế chuyên môn với các quy định cụ thể, rõ ràng, bám sát Điều lệ trường tiểu học và các quy định khác về hoạt động nghề nghiệp.

+ Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, xếp loại giáo viên, cán bộ quản lý; đưa nhiệm vụ phân đấu về năng lực đáp ứng yêu cầu của chương trình mới vào hệ thống các tiêu chí đánh giá.

+ Củng cố hoạt động của Tổ chuyên môn, tăng cường hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học. Tổ chức cho giáo viên, cán bộ quản lý có sáng kiến được cấp cơ sở và các cấp cao hơn đánh giá cao trình bày, chia sẻ với đồng nghiệp những giải pháp hiệu quả.

+ Xây dựng và tổ chức mỗi năm học 1-2 chuyên đề cấp trường, tổ chuyên môn mỗi tháng 1 chuyên đề. Các chuyên đề

tập trung vào sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học.

Tổ chức Hội thảo cấp trường, cụm trường nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp phù hợp với phương tiện hiện đại cho giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lí.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Công tác quản lý, chỉ đạo

1.1. Đối với Hiệu trưởng

- Xây dựng kế hoạch chỉ đạo hoạt động giáo dục và điều hành chung mọi công việc.
- Xây dựng kế hoạch tổ chức dạy các môn tự chọn.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục.
- Tổ chức các hoạt động hội thi, hội giảng trong năm học.
- Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường;
- Ra các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.
- Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục.

1.2. Đối với Phó Hiệu trưởng

- Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học.
- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.
- Hàng tháng họp thống nhất các nội dung chuyên môn với các tổ.

- Duyệt tất cả các hoạt động tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các cuộc Hội thảo, chuyên đề cấp trường, cấp tổ chức trong năm học.

1.3. Tổ trưởng chuyên môn

- Xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động chuyên môn của tổ.
- Dự giờ, góp ý, rút kinh nghiệm tiết dạy cho giáo viên; bồi dưỡng giáo viên trong tổ.
- Tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác.
- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề và theo nghiên cứu bài học; đổi mới phương pháp dạy học và lựa chọn nội dung dạy học; những vấn đề vướng mắc trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với các khối lớp .

- Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ.

1.4. Đối với Tổng phụ trách Đội

- Kết hợp với phó hiệu trưởng và các bộ phận xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp.
- Tổ chức tất cả các hoạt động ngoài giờ lên lớp tổ chức tại nhà trường.
- Thành lập các ban của liên đội để thúc đẩy mọi hoạt động của nhà trường.
- Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

1.5. Đối với nhân viên Thư viện

- Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị.
- Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.
- Vận hành mô hình Thư viện thân thiện của Room To Read.
- Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.
- Tổ chức Ngày hội đọc sách.

1.6. Đối với giáo viên

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.
- Thực hiện nghiêm túc mọi quy chế chuyên môn.
- Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.
- Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.
- Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025 của trường Tiểu học Hiệp Cường. Đề nghị các cá nhân và các bộ phận nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc kịp thời báo cáo về BGH để có sự hướng dẫn, điều chỉnh./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Kim Động (để b/c);
- Các tổ chuyên môn (để th/h);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Huệ

PHỤ LỤC 1.1**Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục***(Kèm Kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025 đã được Hội đồng trường phê duyệt tại QĐ số 01/QĐ-HĐT ngày 29/8/2024)*

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK 1	HK2
1. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	HĐTN	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
2	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
3	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
4	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
5	TN XH	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
6	Khoa học										70	36	34	70	36	34
7	Lịch sử-Địa lý										70	36	34	70	36	34
8	Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
9	Mỹ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
10	Thủ công (KT)															
11	Tin học							35	18	17	35	18	17	35	18	17
12	Công nghệ							35	18	17	35	18	17	35	18	17
13	TD (GDTC)	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
14	Tiếng Anh							140	72	68	140	72	68	140	72	68
2. Môn học tự chọn																
1	Tiếng Anh (L1, 2)	70	36	34	70	36	34									
3. Hoạt động củng cố, tăng cường																
1	Đọc Thư viện	35	18	17	35	18	17				35	18	17	35	18	17
TỔNG		1050	504	476	980	504	476	980	522	493	1085	558	527	1085	558	527
Số tiết/tuần (Cả năm học)		980 tiết/35 tuần = 28 tiết			980 tiết/35 tuần = 28 tiết			980 tiết/35 tuần = 28 tiết			1085 tiết/35 tuần = 31 tiết			1085 tiết/35 tuần = 31 tiết		
Số buổi dạy/tuần		8 buổi/tuần			8 buổi/tuần			8 buổi/tuần			9 buổi/tuần			9 buổi/tuần		

PHỤ LỤC 1.2**Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học***(Kèm Kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025 đã được Hội đồng trường phê duyệt tại QĐ số 01/QĐ-HĐT ngày 29/8/2024)*

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9/2024	Vui đến trường	- Tìm hiểu truyền thống, nội quy nhà trường. - Tổ chức đêm hội trăng rằm - Thi Giai điệu tuổi hồng	Tập trung	Sáng 6/9/2024 Chiều 17/9/2024	GVCN lớp CB, GV, NV và HS	PHHS
Tháng 10/2024	Nếp sống và tư duy khoa học	- Tuyên truyền giáo dục HS về ý thức tự bảo vệ, phòng tránh xâm hại và bắt cóc trong một số tình huống cụ thể. - Tiểu phẩm về tình huống trên.	Tập trung	Sáng 07/10/2024	CB, GV, NV và HS	
Tháng 11/2024	Mái trường em yêu	-Giao lưu, tọa đàm: Nghe một số thầy cô giáo trong trường và 1 số HS chia sẻ kỉ niệm về mái trường thân yêu, về thầy cô giáo em nhớ nhất. -Văn nghệ về thầy cô, mái trường.	Tập trung	Sáng 20/11/2024	CB, GV, NV và HS	
Tháng 12/2024	Tiếp bước truyền thống quê hương	- Tìm hiểu về truyền thống yêu nước của địa phương.	Tập trung	Chiều 20/12/2024	CB, GV, NV và HS	Đại diện cựu chiến binh xã

		- Nói chuyện về truyền thống ngày 22/12.				
Tháng 1/2025	Gia đình yêu thương	- HS biểu diễn văn nghệ về chủ đề “Gia đình”, “Mùa xuân”. - TPT Đội Phát động phong trào: Tết trồng cây và phong trào: Đọc và làm theo báo Đội.	Tập trung	Sáng 13/01/2025	CB, GV, NV và HS	PHHS
		- Tổ chức trải nghiệm ngoài nhà trường	Tập trung	Cả ngày 15/01/2025		
Tháng 2/2025	Mừng Đảng Mừng xuân	- HS chia sẻ cách làm món ăn truyền thống ngày Tết cổ truyền cùng GD. - Cảm nhận của em về những ngày Tết nguyên đán của quê hương. - Văn nghệ về chủ đề chào đón năm mới, đón Tết cổ truyền.	Tập trung	Sáng 17/02/2025	CB, GV, NV và HS	
Tháng 3/2025	Kết nối cộng đồng	Trung bày 1 số tấm thiệp của HS lớp trực ban làm tặng mẹ và cô nhân ngày 8 - 3 - HS chia sẻ nội dung và hình thức về 1 số tấm bưu thiếp. - Văn nghệ chào mừng ngày	Tập trung	Sáng 03/03/2025	CB, GV, NV và HS	

		Quốc tế phụ nữ 8/3.				
Tháng 4/2025	Quê hương em tươi đẹp	- Trải nghiệm tại trường, làm bánh trôi nước	Lớp	Chiều 03/04/2025	GVCN và HS	PHHS
		- Tổ chức ngày hội đọc sách	Tập trung	Chiều 21/04/2025	CB, GV, NV và HS	PHHS
Tháng 5/2025	Kính yêu Bác Hồ	HS tham gia kể chuyện theo chủ đề “Bác Hồ- tấm gương lao động mẫu mực”. - Biểu diễn văn nghệ chủ đề “Bác Hồ với thiếu nhi”	Tập trung	Sáng 12/05/2025	CB, GV, NV và HS	

PHỤ LỤC 1.3

Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học tại trường
(Kèm Kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025 đã được Hội đồng trường phê duyệt tại QĐ số 01/QĐ-HĐT ngày 29/8/2024)

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Đọc sách	Văn hóa đọc	Học sinh theo nhóm, theo lớp	Sau buổi học	Thư viện trường	
2	Vui chơi tự do trong khuôn viên nhà trường (Rèn luyện thể lực)	Tập võ, đá bóng, cầu lông, bóng rổ, nhảy dây	Học sinh theo nhóm, theo đội, theo lớp.	Sau buổi học chính khóa	Tại trường	
3	Giáo dục STEM	Dạy học chủ đề STEM	Tự nguyện theo lớp	Sau buổi học (2 tiết/tuần)	Tại phòng học	